TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Duy Phu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thẩm

2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn Bá Q), sinh năm 1977; Địa chỉ đều ở : Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (đều vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Bùi Văn K, sinh năm 1962 (vắng mặt);

3.2. Ông Hoàng Văn Q1, sinh năm 1969 (vắng mặt),

3.3. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ đều ở: Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn ngày 31/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung với gia đình chồng được thời gian

ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghiện ma tuý, phá tán tài sản gia đình không quan tâm đến vợ con. Khi chị khuyên giải, anh C không nghe còn đánh chị. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần nhưng nghĩ thương con chị lại quay về chung sống với anh C. Đến năm 2019, chị chuyển về nhà bố mẹ chị ở. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh C. Chị và anh C có hai con chung là Nguyễn Bá Thành P1, sinh ngày 27/7/2005 và Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 22/01/2020. Hiện nay, hai con đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi cả 2 con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Biên bản ghi lời khai đương sự ngày 09/3/2021, anh Nguyễn Văn C khai: Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Cô T xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, anh đồng ý để chị T nuôi cả hai con, khi nào con lớn, anh chị thoả thuận sau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng bà Trịnh Thị Hội trình bày: Bà là mẹ đẻ anh C. Anh C và chị T kết hôn năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, cơm chẳng lành canh chẳng ngọt. Chị T thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không biết. Hai anh chị đã sống ly thân được hơn một năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh C, bà muốn vợ chồng về với nhau. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đó là quyền của hai anh chị. Về con chung : Anh chị có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu anh chị ly hôn nên giao hai con cho chị T nuôi là tốt nhất vì chị T có điều kiện hơn anh Q. Do điều kiện ở xa, bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 18/01/2021, ông Bùi Văn K khai : Ông là bố đẻ chị T. Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung của vợ chồng chị T như chị T khai là chính xác. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nuôi con, ông đề nghị giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng để đảo bảo cho việc nuôi dạy các cháu ăn học vì anh C không có thu nhập. Nếu chị T được nuôi cả hai con, gia đình ông sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi dạy hai cháu. Ông đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 09/03/2021, ông Hoàng Văn Q1 khai : Ông là bí thư, kiêm trưởng thôn N từ tháng 3/2020. Anh C, chị T là công dân đang sinh sống tại thôn N. Anh chị kết hôn năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghiện ma tuý, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm gì với vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về bản thân chị T là phụ nữ đảm đang, chịu khó trách nhiệm với gia đình, không có điều tiếng gì về chuyện bồ bịch, trai gái. Về con chung, nếu vợ chồng ly hôn thì giao cho mẹ nuôi là tốt nhất vì anh C nghiện ngập không có thu nhập. Về tài sản chung, nợ chung địa phương không nắm được.

Bà Lê Thị S khai : Bà là chi hội trưởng chi hôi phụ nữ thôn, xác định lời khai của ông Q1 là chính xác. Chị T xin ly hôn anh C theo quan điểm của bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C, vì có níu kéo thì cũng không đem lại kết quả gì chỉ làm khổ cho chị T.

Ông Q, bà S đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc xử lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án chưa đúng quy định tại Điều 191, 195 Bộ luật tố tụng dân sự, chưa có xác nhận nơi cư trú của bị đơn, chưa có thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ đối với bị đơn vắng mặt theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C được triệu tập hợp lệ hai lần và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét

xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn, anh C đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T xin được nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con, anh C đồng ý. Mặt khác, bản thân cháu P1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu H1 chưa đủ 36 tháng tuổi, xác minh ở địa phương điều kiện kinh tế của chị T tốt anh Q.

Xét sự thoả thuận của chị T, anh C không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phúc, phù hợp với tình hình thực tế của hai vợ chồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn Bá Q)

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Bá Thành P1, sinh ngày 27/7/2005 và Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 22/01/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002040 ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị T, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND huyện Thanh Hà,
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Duy Phu